

Bản án số: 1789/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 560/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2018/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 462/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M N, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ T, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M N trình bày:

Bà Lê Thị M N và ông Đỗ T tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2006 và kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 240, quyển số 02/2006 ngày 07 tháng 8 năm 2006. Bà Lê Thị M N và ông Đỗ T có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007.

Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhất là từ năm 2015 đến nay, do ông bà bất đồng quan điểm sống về tất cả mọi mặt trong cuộc sống, từ con cái, công việc làm ăn. Ông Đỗ T không tôn trọng bà Lê Thị M N, ông hay chửi bới, la mắng, xúc phạm bà. Cuộc sống chung của ông bà rất ngột ngạt, bà Lê Thị M N bị áp lực tinh thần. Ông bà chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, bà Lê Thị M N không còn yêu thương, không quan tâm đến ông Đỗ T nữa. Bà Lê Thị M N đã chuyển ra ngoài sống từ năm 2017 đến nay, ông bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, thỉnh thoảng bà có đi chung với ông Đỗ T là vì công việc và con cái. Ngay từ đầu khi quen biết và tìm hiểu nhau, gia đình bà Lê Thị M N đã khuyên can bà không nên kết hôn với ông Đỗ T nhưng bà Lê Thị M N đã không nghe lời cha mẹ, gia đình bà để rồi bây giờ bà phải nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T, có khi cuộc sống hôn nhân quá mệt mỏi, chán nản, buồn nhiều nên bà thỉnh thoảng có nói chuyện, chia sẻ với các anh chị em trong gia đình đó cũng là điều bình thường trong cuộc sống. Các em của bà thương bà nên muốn bà làm nhanh thủ tục ly hôn để giải thoát cuộc hôn nhân không hạnh phúc của bà, thấy bà khó khăn nên đã gửi tiền về hỗ trợ, lúc đó con bà bệnh lại thiếu tiền nộp học nên bà lấy tiền đó lo cho con, bà trả lời các em như nội dung đoạn zalo để các em yên lòng. Ông Đỗ T tự viết cam kết gửi qua email không xâm phạm đến quyền sở hữu căn nhà riêng của bà ở Hóc Môn, bà có đọc, sau đó ông dùng nhiều lời chửi bà nên bà xóa hết thư qua email. Bà ly hôn với ông Đỗ T không phải vì tài sản như ông trình bày. Việc bà Lê Thị M N khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T là do tự bà quyết định chứ không bị ai xúi giục, vì cuộc sống giữa ông bà không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống quá lớn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm yêu thương không còn.

Bà Lê Thị M N đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T, được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm nên bà rút lại đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T để cho ông Đỗ T cơ hội sửa đổi mong có thể hàn gắn tình cảm gia đình. Sau đó, bà Lê Thị M N thấy ông Đỗ T vẫn không thay đổi gì, còn bà thì thấy cuộc sống rất ngột ngạt, miễn cưỡng, bà không còn yêu thương ông Đỗ T nữa. Nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng bà không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà Lê Thị M N nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T để ổn định cuộc sống về sau.

Trong quá trình vợ chồng bà Lê Thị M N và ông Đỗ T chung sống có mâu thuẫn thì hàng xóm và chính quyền địa phương, Hội phụ nữ phường nơi vợ chồng ông bà cư trú không ai biết. Vợ chồng bà cũng không nhờ hàng xóm và chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng vì bà cho rằng đây là việc nội bộ riêng trong gia đình, bà không muốn người ngoài biết.

Nếu được ly hôn:

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007, bà Lê Thị M N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Lê Nguyên T cho đến tuổi trưởng thành và bà không yêu cầu ông Đỗ T cấp dưỡng nuôi con vì bà thấy bà có đủ khả năng về tài chính để một mình nuôi con. Hiện tại, bà có một căn nhà riêng ở Hóc Môn do cha mẹ cho bà, hàng tháng bà cho thuê 2.200.000 đồng/tháng, ngoài ra bà còn đi làm thêm được 4.000.000 đồng/tháng, các em của bà hỗ trợ cho bà 5.000.000 đồng/tháng. Từ khi ông bà sống ly thân đến nay, cháu Đỗ

Lê Nguyên T ở với bà Lê Thị M N, do bà Lê Thị M N nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đón cháu đi học hàng ngày.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Đỗ T trình bày tại bản tự khai, Biên bản làm việc ngày 22/5/2018, biên bản hòa giải ngày 19/6/2018 như sau: Ông Đỗ T xác nhận ông và bà Lê Thị M N tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2006 và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ T không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị M N vì ông còn thương bà Lê Thị M N, ông muốn cho con cái có gia đình hạnh phúc. Ông Đỗ T cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh những chuyện nhỏ nhặt nhưng những việc đó bỏ qua được, nguyên nhân bà Lê Thị M N làm đơn ly hôn với ông là do bà Lê Thị M N bị anh chị em trong gia đình xúi giục thể hiện qua các cuộc nói chuyện riêng với nhau và các thông tin trên mạng mà bà Lê Thị M N chưa nhận thức được. Ông Đỗ T thấy mình rất tôn trọng vợ thể hiện qua nhiều việc trong các quan hệ xã hội cũng như làng xóm. Bà Lê Thị M N đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T ra Tòa, sau đó bà Lê Thị M N rút lại đơn khởi kiện, một tuần sau bà Lê Thị M N nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T, điều đó chứng tỏ quan điểm của bà Lê Thị M N không thống nhất trước sau.

Ông Đỗ T đề nghị Tòa án hàn gắn tình cảm cho ông và bà Lê Thị M N vì ông Đỗ T thấy nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà không có gì trầm trọng. Ông Đỗ T cũng không tranh chấp tài sản gì với bà Lê Thị M N.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007, ông Đỗ T không đồng ý với yêu cầu về con chung của bà Lê Thị M N.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ T không tranh chấp tài sản với bà Lê Thị M N nên không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Bà Lê Thị M N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Đỗ T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông Đỗ T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông Đỗ T vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, ông Đỗ T cư trú ở quận Gò Vấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M N xin ly hôn với ông Đỗ T là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M N, công nhận bà Lê Thị M N được ly hôn với ông Đỗ T, giao con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Lê Thị M N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, ông Đỗ T không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị M N và ông Đỗ T là ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Đỗ T có địa chỉ cư trú tại đường P, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự triệu tập ông Đỗ T, bà Lê Thị M N tham gia phiên tòa xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ T vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị M N có mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ T.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Bà Lê Thị M N yêu cầu ly hôn với ông Đỗ T. Hôn nhân giữa bà Lê Thị M N và ông Đỗ T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 240, quyển số 02/2006 được Ủy ban nhân dân Phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2006.

Bà Lê Thị M N trình bày trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhất là từ năm 2015 đến nay, do ông bà bất đồng quan điểm sống về tất cả mọi mặt trong cuộc sống, từ con cái, công việc làm ăn. Ông Đỗ T không tôn trọng bà Lê Thị M N, ông hay chửi bới, la mắng, xúc phạm bà. Cuộc sống chung của ông bà rất ngột ngạt, bà Lê Thị M N bị áp lực tinh thần. Ông bà chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, bà Lê Thị M N không còn yêu thương, không quan tâm đến ông Đỗ T nữa. Bà Lê Thị M N đã chuyển ra ngoài sống từ năm 2017 đến nay, ông bà đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa, thỉnh thoảng bà có đi chung với ông Đỗ T là vì công việc và con cái. Ngay từ đầu khi quen biết và tìm hiểu nhau, gia đình bà Lê Thị M N đã khuyên can bà không nên kết hôn với ông Đỗ T nhưng bà Lê Thị M N đã không nghe lời cha mẹ, gia đình bà để rồi bây giờ bà phải nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T, có khi cuộc sống hôn nhân quá mệt mỏi, chán nản, buồn nhiều nên bà thỉnh thoảng có nói chuyện, chia sẻ với các anh chị em trong gia đình đó cũng là điều bình thường trong cuộc sống. Các em của bà thương bà nên muốn bà làm

nhANH thủ tục ly hôn để giải thoát cuộc hôn nhân không hạnh phúc của bà, thấy bà khó khăn nên đã gửi tiền về hỗ trợ, lúc đó con bà bệnh lại thiếu tiền nộp học nên bà lấy tiền đó lo cho con, bà trả lời các em như nội dung đoạn zalo để các em yên lòng. Ông Đỗ T tự viết cam kết gửi qua email không xâm phạm đến quyền sở hữu căn nhà riêng của bà ở Hóc Môn, bà có đọc, sau đó ông dùng nhiều lời chửi bà nên bà xóa hết thư qua email. Bà ly hôn với ông Đỗ T không phải vì tài sản như ông trình bày. Việc bà Lê Thị M N khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T là do tự bà quyết định chứ không bị ai xúi giục, vì cuộc sống giữa ông bà không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống quá lớn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm yêu thương không còn. Bà Lê Thị M N đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T, được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm nên bà rút lại đơn khởi kiện ly hôn với ông để cho ông cơ hội sửa đổi mong có thể hàn gắn tình cảm gia đình. Sau đó, bà Lê Thị M N thấy ông Đỗ T vẫn không thay đổi gì, còn bà thì thấy cuộc sống rất ngột ngạt, miễn cưỡng, bà không còn yêu thương ông nữa. Nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng bà không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T để ổn định cuộc sống về sau.

Ông Đỗ T không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị M N vì ông còn thương bà, ông muốn cho con cái có gia đình hạnh phúc. Ông Đỗ T cho rằng cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh những chuyện nhỏ nhặt nhưng những việc đó bỏ qua được, nguyên nhân bà Lê Thị M N làm đơn ly hôn với ông là do bà bị anh chị em trong gia đình xúi giục thể hiện qua các cuộc nói chuyện riêng với nhau và các thông tin trên mạng mà bà Lê Thị M N chưa nhận thức được. Ông Đỗ T thấy mình rất tôn trọng vợ thể hiện qua nhiều việc trong các quan hệ xã hội cũng như làng xóm. Bà Lê Thị M N đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Đỗ T ra Tòa, sau đó bà rút lại đơn khởi kiện, một tuần sau bà nộp lại đơn khởi kiện ly hôn với ông, điều đó chứng tỏ quan điểm của bà không thống nhất trước sau. Ông Đỗ T đề nghị Tòa án hàn gắn tình cảm cho ông và bà Lê Thị M N vì ông thấy nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông bà không có gì trầm trọng. Ông Đỗ T cũng không tranh chấp tài sản gì với bà Lê Thị M N.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị M N và ông Đỗ T tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh xác nhận bà Lê Thị M N và ông Đỗ T có sống ở Phường 9, quận Gò Vấp nhưng ông bà không trình báo phát sinh mâu thuẫn nên Hội liên hiệp phụ nữ phường không biết.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế, giữa bà Lê Thị M N và ông Đỗ T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Bà Lê Thị M N đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn ông Đỗ T, được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm nên bà rút lại đơn khởi kiện ly hôn với ông để cho ông cơ hội sửa đổi mong có thể hàn gắn tình cảm gia đình. Sau đó, bà Lê Thị M N thấy ông Đỗ T vẫn không thay đổi gì, còn bà thì thấy cuộc sống rất ngột ngạt, miễn cưỡng, bà không còn yêu thương ông Đỗ T nữa. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Lê Thị M N và ông Đỗ T đến Tòa án để trình bày ý kiến về vụ kiện, hòa giải, ông Đỗ T có đến Tòa trình bày ý kiến, hòa giải vào các ngày 22/5/2018, 19/6/2018 nhưng hai bên vẫn không thống nhất được ý kiến, không hòa

giải đoàn tụ được. Tòa án đã để thời gian 04 tháng không triệu tập bà Lê Thị M N và ông Đỗ T đến Tòa để tạo cơ hội cho ông bà có thời gian suy nghĩ lại và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến ngày 26/10/2018, Tòa án triệu tập bà Lê Thị M N và ông Đỗ T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai nhưng ông Đỗ T vắng mặt không có lý do, còn bà Lê Thị M N thì tha thiết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Lê Thị M N và ông Đỗ T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông Đỗ T không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Lê Thị M N nữa nên đã không đến Tòa, ông bà thực sự không còn quan tâm đến nhau nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M N với ông Đỗ T là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thị M N với ông Đỗ T hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M N với ông Đỗ T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị M N với ông Đỗ T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007, bà Lê Thị M N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Lê Nguyên T cho đến tuổi trưởng thành và bà không yêu cầu ông Đỗ T cấp dưỡng nuôi con vì bà thấy bà có đủ khả năng về tài chính để một mình nuôi con. Từ khi ông bà sống ly thân đến nay, cháu Đỗ Lê Nguyên T ở với bà Lê Thị M N, do bà Lê Thị M N nuôi dưỡng, chăm sóc và đưa đón cháu đi học hàng ngày. Xét thấy, yêu cầu của bà Lê Thị M N là hoàn toàn tự nguyện, cháu Đỗ Lê Nguyên T đang sống ổn định với bà Lê Thị M N, do bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ khi ông bà sống ly thân đến nay. Mặt khác, Tòa án cũng đã xem xét nguyện vọng của cháu Đỗ Lê Nguyên T, cháu muốn được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T cho bà Lê Thị M N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp với điều kiện của bà Lê Thị M N, đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống của cháu Đỗ Lê Nguyên T về mặt thể chất cũng như tinh thần, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Đỗ T cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M N và ông Đỗ T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị M N và ông Đỗ T, con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 54, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M N được ly hôn với ông Đỗ T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 240, quyển số 02/2006 được Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2006 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Lê Nguyên T, sinh ngày 19/8/2007 cho bà Lê Thị M N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đỗ Lê Nguyên T đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Đỗ T cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Ông Đỗ T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của ông Đỗ T.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị M N và ông Đỗ T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị M N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị M N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0029075 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị M N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị M N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Đỗ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân Phường 12;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám